

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1040/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 07 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố tại Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính về việc công bố TTHC mới, TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Cục trưởng Cục Hải quan, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chi cục trưởng các Chi cục Hải quan khu vực và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Website Bộ Tài chính;
- Website Cục Hải quan;
- Lưu: VT, CHQ (...b)

bc

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi

Nguyễn Đức Chi

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 104/QĐ-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
1.	1.007655	Thủ tục về cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan	Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019
2.	1.007656	Thủ tục về hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019
3.	1.007651	Thủ tục về mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC bị bãi bỏ
1.	1.007647	Thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc	Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 và Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30/12/2022	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019

2.	1.007648	Thủ tục tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 và Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30/12/2022	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019
3.	1.007649	Thủ tục chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 và Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30/12/2022	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019
4.	1.007650	Thủ tục tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 và Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30/12/2022	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019
5.	1.007652	Thủ tục gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 và Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30/12/2022	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019
6.	1.007653	Thủ tục cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 và Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30/12/2022	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019

7.	1.007654	Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 và Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30/12/2022	Hải quan	Cục Hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019
----	----------	---	---	----------	--------------	--

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÀI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH (Đính kèm thủ tục theo các danh mục ở Phần I)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Thủ tục về cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

1.1. Trường hợp thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

1.1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Đăng ký dự thi và nộp hồ sơ dự thi:

Người dự thi đăng ký dự thi trên *Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan để Cục Hải quan* làm căn cứ tổ chức thi.

Người dự thi phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại *Chi cục Hải quan khu vực* nơi thuận tiện do người dự thi lựa chọn và phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành tại nơi nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

- Bước 2. Tổ chức thi:

Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ của thí sinh dự thi, *Cục Hải quan* xây dựng quy chế thi, thành lập Hội đồng thi và tổ chức thi.

- Bước 3. Cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

+ Trong thời hạn *15 ngày* kể từ ngày kết thúc kỳ thi, *Cục trưởng Cục Hải quan* thông báo công khai kết quả thi trên *Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan*. Trường hợp không đồng ý với kết quả thi do *Cục trưởng Cục Hải quan* thông báo, trong thời hạn *15 ngày* kể từ ngày thông báo công khai kết quả thi trên *Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan*, người dự thi nộp đơn đề nghị phúc khảo môn thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày *Cục Hải quan* trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu của bưu chính nơi gửi. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết. Trong thời hạn *15 ngày* kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo, *Cục trưởng Cục Hải quan* tổ chức phúc khảo bài thi theo quy chế của Hội đồng thi và thông báo kết quả phúc khảo trên *Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan*.

+ Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 và không gửi Giấy chứng nhận điểm thi.

+ Bảo lưu kết quả thi: Trường hợp trong các môn thi có môn không đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản này, thì kết quả các môn thi đạt yêu cầu được tự động bảo lưu trong thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo kết quả phúc khảo trên *Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan*; hoặc bảo lưu kết quả cho đến khi kết thúc kỳ thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan tiếp theo liền kề trong trường hợp quá thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo kết quả phúc khảo

trên *Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan* mà kỳ thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan chưa được tổ chức.

1.1.2. Cách thức thực hiện:

Người dự thi đăng ký dự thi trên *Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan* để *Cục Hải quan* làm căn cứ tổ chức thi và nộp hồ sơ trực tiếp tại *Chi cục Hải quan khu vực*.

1.1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

Hồ sơ đăng ký dự thi lần đầu để cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

+ Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BTC;

+ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc các ngành kinh tế, luật, kỹ thuật: 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu;

+ Hai (02) ảnh màu 3x4cm chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi có ghi rõ họ tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh (01 ảnh dán vào phiếu đăng ký dự thi, 01 ảnh dán vào chứng chỉ khi được cấp);

+ Văn bản ghi kết quả học tập trong trường hợp bằng tốt nghiệp không thể hiện chuyên ngành đáp ứng điều kiện miễn thi theo quy định: 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (nếu có);

+ Văn bản xác nhận của trường đại học, cao đẳng mà người đăng ký dự thi công tác trước khi thôi làm giảng viên theo quy định trong trường hợp người dự thi thuộc đối tượng miễn thi: 01 bản chính (nếu có);

- Hồ sơ đăng ký dự thi lại các môn thi chưa đạt, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

+ Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Hai (02) ảnh màu 3x4cm được chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi có ghi rõ họ tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh để dán vào Phiếu đăng ký dự thi và Chứng chỉ khi được cấp.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

1.1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, *Cục trưởng Cục Hải quan* thông báo công khai kết quả thi trên *Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan*.

1.1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân.

1.1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Cục Hải quan*

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: *Cục Hải quan*.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

1.1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1.1.8. Phí, lệ phí: Theo dự toán chi phí tổ chức kỳ thi do Hội đồng thi xây dựng và được Cục Hải quan phê duyệt.

1.1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký dự thi (Mẫu số 01 Thông tư số 22/2019/TT-BTC)

1.1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người dự thi có 03 môn thi đạt yêu cầu theo quy định (mỗi môn đạt điểm từ 50 điểm trở lên chấm theo thang điểm 100) thì được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

- Điều kiện đối với trường hợp miễn thi:

+ Miễn thi môn Pháp luật về hải quan và môn Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan đối với trường hợp sau:

Người tốt nghiệp chuyên ngành, hải quan thuộc các trường đại học, cao đẳng mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp;

Người đã làm giảng viên thuộc chuyên ngành hải quan tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

+ Miễn thi môn Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương đối với trường hợp sau:

Người tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế ngoại thương, thương mại quốc tế, kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế hoặc logistics và quản lý chuỗi cung ứng thuộc các trường đại học, cao đẳng mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp;

Người đã làm giảng viên thuộc chuyên ngành kinh tế ngoại thương hoặc thương mại quốc tế hoặc kinh tế đối ngoại hoặc kinh tế quốc tế hoặc logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

1.1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Họ và tên: Nam, nữ:

Ngày sinh:/...../.....

Số định danh cá nhân/CMND/CCCD/..... cấp

ngày .../.../... tại

- Đăng ký dự thi môn:

+ Pháp luật về Hải quan ☐+ Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương ☐+ Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan ☐

- Địa điểm dự thi tại:

- Môn thi đề nghị được miễn:

- Môn thi đề nghị được bảo lưu kết quả thi đã đạt tại các kỳ thi trước:

+ Môn..... đạt điểm lại Thông báo số ngày .../.../... của Cục Hải quan.

+ Môn..... đạt điểm tại Thông báo số ngày .../.../... của Cục Hải quan.

- Địa chỉ nhận Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (tại Chi cục Hải quan khu vực nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi hoặc tại địa chỉ cụ thể):

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Ngày tháng năm

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI DỰ THI

Ngày tháng năm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

CỤC HẢI QUAN



Ảnh 3 x 4 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

- Căn cứ Quyết định số/QĐ-CHQ ngày ... tháng năm về việc thành lập Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;
- Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng ... năm ... của về việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho thí sinh đạt yêu cầu tại kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm tổ chức tại ...

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

- Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):
.....
- Sinh ngày:/...../.....
- Số CCCD..... cấp ngày..... tại

Chữ ký của người được cấp Chứng chỉ

Số:.....
Ngày... tháng... năm ...

Hà Nội, ngày/...../.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

1.2. Trường hợp cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc

1.2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

Công chức hải quan sau khi chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan gửi *Cục Hải quan*.

- Bước 2: Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

Cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và điều kiện theo quy định và thực hiện cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với trường hợp không đủ điều kiện.

1.2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại *Cục Hải quan*;
- Gửi hồ sơ qua bưu chính về *Cục Hải quan*.

1.2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo *Mẫu số 11* ban hành kèm theo *Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026* của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Một (01) ảnh màu 3x4 chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi có ghi rõ họ tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

1.2.4. Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

1.2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc thôi việc.

1.2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Cục Hải quan*.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: *Cục Hải quan*.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

1.2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (*Mẫu số 03A* ban hành kèm theo *Thông tư số 25/2026/TT-BTC* ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1.2.8. Phí, lệ phí: Không

1.2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (*Mẫu số 11* ban hành kèm theo *Thông tư số 25/2026/TT-BTC* ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1.2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Công chức hải quan giữ ngạch kiểm tra viên hải quan có 09 năm công tác liên tục hoặc kiểm tra viên chính hoặc kiểm tra viên cao cấp sau khi chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc (không bao gồm trường hợp kỷ luật buộc thôi việc) được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, hoặc nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

1.2.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/T-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- *Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan xem xét cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

Họ tên: Nam/nữ:

Ngày sinh:

Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày:

tại

Địa chỉ nhận chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:.....; Số điện thoại:.....

Ngạch công chức:

Thời gian, quá trình công tác trong ngành hải quan (ghi rõ thông tin các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch công chức, nâng ngạch, chuyển công tác và quá trình công tác):

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc (nếu có, ghi rõ thông tin về Quyết định kỷ luật):

Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác:

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

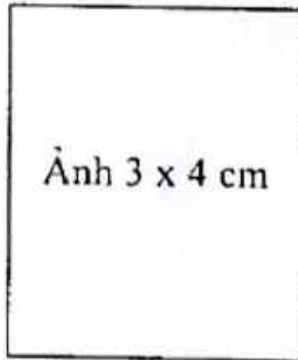
Hồ sơ gửi kèm gồm:

-

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỤC HẢI QUAN



Chữ ký của người được cấp Chứng chỉ

Số:

Ngày ... tháng ... năm ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Căn cứ Quyết định số/..... ngày ... tháng... năm... của
..... về việc nghỉ hưu/nghỉ việc/chuyển công tác đối với ông
(bà)...

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

- Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

- Sinh ngày:/...../.....

- Số CCCD..... cấp ngày..... tại

Hà Nội, ngày/...../.....

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Thủ tục về hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

2.1. Trường hợp công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

2.1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Lập hồ sơ:

Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan năm 2014 lập hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện làm đại lý làm thủ tục hải quan gửi *Cục Hải quan*.

- Bước 2: Công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

Cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và điều kiện theo quy định; *Cục trưởng Cục Hải quan* ra quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan. Trường hợp không đủ điều kiện thì có văn bản trả lời doanh nghiệp.

2.1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên: Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ 36A.

- Trường hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến gặp sự cố: nộp hồ sơ trực tiếp tại *Cục Hải quan*, gửi qua bưu chính về *Cục Hải quan*.

2.1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị công nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo *Mẫu số 04* ban hành kèm theo *Thông tư số 25/2026/TT-BTC* ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp;

- Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 12/2015/TT-BTC. Cụ thể như sau:

+ *Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng thuộc các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật: 01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp;*

+ Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp trước năm 2019: 01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp (*Trường hợp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan quá thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp thì trên mẫu đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải khai thông tin giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

2.1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2.1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

2.1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Cục Hải quan.*
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: *Cục Hải quan.*
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

2.1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan (*Mẫu số 05* ban hành kèm theo *Thông tư số 25/2026/TT-BTC* ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính), công văn cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện.

2.1.8. Phí, lệ phí: Không

2.1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- *Mẫu số 04:* Đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan;
- *Mẫu số 07:* Đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo ban hành kèm *Thông tư số 25/2026/TT-BTC* ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp.

2.1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa hoặc đại lý làm thủ tục hải quan;
- Có nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;
- Có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện để thực hiện khai hải quan điện tử và các điều kiện khác theo quy định.

2.1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.
- Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/T-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ

khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v đề nghị công nhận hoạt động
đại lý làm thủ tục hải quan

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hải quan.

Tên doanh nghiệp:

Loại hình doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số/2026/TT-BTC ngày/.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Sau khi rà soát, kiểm tra, Công ty tự xét thấy đã đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 20 Luật Hải quan và Thông tư dẫn trên, cụ thể:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh xác nhận có ngành nghề:

2. Nhân viên đủ điều kiện đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:..... người, cụ thể:

2.1. Họ và tên: Sinh ngày:

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày..... tại

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo¹ ; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:....; nơi cấp bằng:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp; nơi cấp:

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

2.2. Họ và tên: Sinh ngày:

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày tại

¹ Thông tin tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo² ; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:.....; nơi cấp bằng:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

3. Hạ tầng công nghệ thông tin:

4. Điều kiện về cơ sở hạ tầng, kho, bãi, phương tiện vận tải (nếu có):

Đề nghị Cục Hải quan xác nhận Công ty đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho nhân viên có tên tại điểm 2 nêu trên theo quy định.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu....

**... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

² Thông tin tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan gửi kèm công văn số ngày .../.../..... của Công ty

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận:

(Tên doanh nghiệp):

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày cấp nơi cấp

Đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện pháp luật (doanh nghiệp), Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,... (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2.2. Trường hợp tạm dừng/chấm dứt/thay đổi thông tin hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

2.2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Lập hồ sơ:

Doanh nghiệp có đề nghị tạm dừng/chấm dứt/thay đổi thông tin hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị tạm dừng/*chấm dứt* hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan (hoặc báo cáo của *Chi cục Hải quan khu vực*) gửi *Cục Hải quan*.

- Bước 2. Tạm dừng/chấm dứt/thay đổi thông tin hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

Cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; *Cục trưởng Cục Hải quan* ra quyết định tạm dừng/chấm dứt/thay đổi thông tin đại lý làm thủ tục hải quan.

2.2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên: Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ 36A.

- Trường hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến gặp sự cố: nộp hồ sơ trực tiếp tại *Cục Hải quan*, gửi qua bưu chính về *Cục Hải quan*.

2.2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị tạm dừng/chấm dứt/thay đổi thông tin đại lý làm thủ tục hải quan (*Mẫu số 12* ban hành kèm theo *Thông tư số 25/2026/TT-BTC* ngày *25/03/2026* của Bộ trưởng Bộ Tài chính): *01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp.*

- Công văn đề nghị thay đổi thông tin đại lý làm thủ tục hải quan: *01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp.*

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

2.2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của *Chi cục Hải quan khu vực*.

2.2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

2.2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Cục Hải quan.*

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: *Cục Hải quan.*

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

2.2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan (Mẫu số 06A ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

2.2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị tạm dừng/chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Công văn đề nghị thay đổi thông tin đại lý làm thủ tục hải quan.

2.2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*** Đối với trường hợp tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:**

- Hoạt động không đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan hoặc không hoạt động đúng tên và địa chỉ đã đăng ký với cơ quan hải quan.

- Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc thực hiện chế độ báo cáo không đúng, không đủ về nội dung hoặc không đúng thời hạn với cơ quan hải quan.

- Không thông báo cho Cục Hải quan thực hiện thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp bị thu hồi hoặc trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động.

- Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc thực hiện chế độ báo cáo không đúng, không đủ về nội dung hoặc không đúng thời hạn với cơ quan hải quan trong 03 lần liên tiếp.

- Đại lý làm thủ tục hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng hoạt động.

*** Đối với trường hợp chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan**

- Bị xử lý về hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có gian lận trong việc cung cấp hồ sơ đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho cơ quan hải quan;

- Sử dụng bộ chứng từ không phải do chủ hàng cung cấp để làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;

- Quá thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tạm dừng theo quy định mà đại lý

làm thủ tục hải quan không khắc phục và không có văn bản đề nghị tiếp tục hoạt động gửi *Cục Hải quan*;

- Doanh nghiệp hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật phá sản;

- Đại lý làm thủ tục hải quan đề nghị chấm dứt hoạt động.

*** Đối với trường hợp thay đổi thông tin đại lý làm thủ tục hải quan:**

Đại lý làm thủ tục hải quan thay đổi tên, địa chỉ đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2.2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/T-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mẫu số 12

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị tạm dừng/chấm dứt
hoạt động đại lý làm thủ tục hải
quan

Kính gửi: Cục Hải quan.

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Công ty đã được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số..... ngày..... Nay Công ty đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng/ chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với Công ty.

Lý do tạm dừng/ chấm dứt:

Đề nghị Cục Hải quan xem xét giải quyết theo quy định./.

**.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của (Chi cục Hải quan khu vực hoặc doanh nghiệp) ... về việc chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

(Tên doanh nghiệp)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số... ngày... của (Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Hải quan) về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp), Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ...(3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06A

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUANCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ- CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan****CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN**

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của (Chi cục Hải quan khu vực hoặc doanh nghiệp) ... về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với

(Tên doanh nghiệp)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Được công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan tại Quyết định số... ngày của(Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Hải quan) về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này, nếu đại lý làm thủ tục hải quan không khắc phục và có văn bản đề nghị tiếp tục hoạt động, Cục Hải quan ban hành Quyết định chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp) ..., Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,... (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2.3. Trường hợp tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

2.3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Lập hồ sơ:

Doanh nghiệp có yêu cầu tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan gửi *Cục Hải quan*.

- Bước 2. Tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

Cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và tổ chức kiểm tra xác minh điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp theo quy định; *Cục trưởng Cục Hải quan* ra quyết định tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

2.3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên: Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ 36A.

- Trường hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến gặp sự cố: nộp hồ sơ trực tiếp tại *Cục Hải quan*, gửi qua bưu chính về *Cục Hải quan*.

2.3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* **Thành phần hồ sơ:**

Công văn đề nghị tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan: 01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

2.3.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn *10 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp.

2.3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

2.3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Cục Hải quan*.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: *Cục Hải quan*.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

2.3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan (*Mẫu số 06B* Quyết định tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan ban hành kèm theo *Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026* của Bộ trưởng Bộ Tài chính) hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

2.3.8. Phí, lệ phí: Không.

2.3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

2.3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan.

2.3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/T-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan****CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN**

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ngày của Cục trưởng Cục Hải quan về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Quyết định số ngày của Cục trưởng Cục Hải quan về việc tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Xem xét hồ sơ gửi kèm công văn số về việc đề nghị tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan của (doanh nghiệp); và

Kết quả kiểm tra điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với (doanh nghiệp).....

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

(Tên doanh nghiệp)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày cấp nơi cấp

Đủ điều kiện tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

.....(Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) đại diện theo pháp luật của (doanh nghiệp)..., Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,... (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Thủ tục về mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

3.1. Trường hợp cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

3.1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Lập hồ sơ:

** Đối với trường hợp cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:*

Đại lý làm thủ tục hải quan có nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Hải quan năm 2014 lập hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan gửi Cục Hải quan.

** Đối với trường hợp cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:*

Đại lý làm thủ tục hải quan có nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan còn thời hạn sử dụng trong trường hợp:

+ Đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi tên đăng ký kinh doanh.

+ Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân

** Đối với trường hợp gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:*

Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có mã số còn thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan và không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. Đại lý làm thủ tục hải quan có nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan gửi Cục Hải quan.

- Bước 2: Cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

Cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và điều kiện theo quy định; Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện cấp/cấp lại/gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. Trường hợp không đủ điều kiện thì có văn bản trả lời doanh nghiệp.

3.1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên: Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ 36A.

- Trường hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến gặp sự cố: nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Hải quan, gửi qua bưu chính về Cục Hải quan.

3.1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo Mẫu số 07 ban hành kèm Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp;

- Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng thuộc các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật: 01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp.

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp trước năm 2019: 01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp (*Trường hợp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan quá thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp thì trên mẫu đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải khai thông tin giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan được cấp trong thời gian ba (03) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*);

Các chứng từ trong hồ sơ cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan là chứng từ của từng nhân viên thuộc danh sách đề nghị cấp mã số.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

3.1.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đề nghị cấp/cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

- 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

3.1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

3.1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

3.1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện.

3.1.8. Phí, lệ phí: Không.

3.1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (*Mẫu số 07 ban hành kèm Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

3.1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*** Đối với trường hợp đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:**

- Có Bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật trở lên;

- Có Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

- Các trường hợp không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

+ Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

+ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù;

+ Người có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hải quan, kiểm toán bị xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Trường Thuế tỉnh, thành phố hoặc Chi Cục trưởng Chi cục hải quan khu vực trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có quyết định xử phạt;

+ Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

+ Cán bộ, công chức thôi giữ chức vụ nhưng đang trong thời gian quy định không được kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 102/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ về việc quy định thời hạn không được kinh doanh trong lĩnh vực trách nhiệm quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi thôi giữ chức vụ;

+ Các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định.

*** Đối với trường hợp đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:**

- Đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi tên đăng ký kinh doanh;

- Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân.

*** Đối với trường hợp đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:**

- Không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015;

- Đã tham gia khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan có thời lượng tối thiểu 03 ngày (8 tiết/ngày) do các trường cao đẳng, đại học, học viện, trường bồi dưỡng cán bộ có khoa chuyên ngành hải quan thực hiện, trên cơ sở thống nhất chương trình đào tạo với Cục Hải quan.

Cục Hải quan thông báo danh sách các trường cao đẳng, đại học, học viện, trường bồi dưỡng cán bộ đã thống nhất chương trình đào tạo với Cục Hải quan trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan. Các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức thực hiện cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học theo

Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho Cục Hải quan về danh sách học viên được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học bao gồm các chỉ tiêu thông tin theo yêu cầu của Cục Hải quan để phối hợp thực hiện các thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

3.1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP/GIA HẠN/CẤP LẠI³ MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Căn cứ hợp đồng lao động số ngày/...../..... giữa doanh nghiệp với ông (bà)

Sau khi rà soát, kiểm tra, Công tytự xét thấy ông (bà) đã đáp ứng đủ các điều kiện về nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 20 Luật Hải quan và các Thông tư dẫn trên. Do vậy, Công ty đề nghị Cục Hải quan xem xét cấp/ gia hạn/ cấp lại⁴ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho ông (bà):

1/ Họ và tên: Sinh ngày:

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày tại

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo⁵ ; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:....; nơi cấp bằng:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp; Nơi cấp:

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

2/ Họ và tên: Sinh ngày:

³ Doanh nghiệp chọn điền tên thủ tục hành chính cần thực hiện

⁴ Doanh nghiệp chọn điền tên thủ tục hành chính cần thực hiện

⁵ Điền tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

- Số định danh cá nhân/ Số CCCD/ số căn cước: cấp ngày tại
 - Bằng tốt nghiệp cao đẳng đại học chuyên ngành đào tạo⁶ ; số hiệu bằng:; ngày cấp bằng:.....; nơi cấp bằng:.....
 - Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp
 - Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....
- 3/ ...
- Lý do đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:⁷
- Hồ sơ gửi kèm gồm:
-

**.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

⁶ Điền tên chuyên ngành đào tạo của cá nhân đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

⁷ Điền lý do đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

3.2. Trường hợp thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

3.2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Lập hồ sơ:

Đại lý làm thủ tục hải quan hoặc Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (hoặc báo cáo của *Chi cục hải quan khu vực*, thông báo của các cơ quan quản lý nhà nước khác) gửi *Cục Hải quan*.

- Bước 2: Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

Cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; *Cục trưởng Cục Hải quan* ra quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

3.2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên: Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến HQ 36A.
- Trường hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến gặp sự cố: nộp hồ sơ trực tiếp tại *Cục Hải quan*, gửi qua bưu chính về *Cục Hải quan*.

3.2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo *Mẫu số 07C* ban hành kèm *Thông tư số 25/2026/TT-BTC* ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 01 chứng từ scan và được xác nhận bằng chữ ký số của doanh nghiệp.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

3.2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được đề nghị của đại lý làm thủ tục hải quan hoặc báo cáo của *Chi cục Hải quan khu vực* hoặc thông báo của các cơ quan quản lý nhà nước khác.

3.2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, cá nhân.

3.2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Cục Hải quan*.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: *Cục Hải quan*.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

3.2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (Mẫu số 09 ban hành kèm theo *Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026* của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

3.2.8. Phí, lệ phí: Không.

3.2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo *Mẫu số 07C* ban hành kèm *Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026* của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;

- Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Cục trưởng Cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

- Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động; Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác thì phải thực hiện cấp mã số mới theo quy định tại *Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026* của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động;

- Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan.

3.2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ

• khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

- Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

THU HỒI MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan xem xét thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp cho ông (bà):

1/ Họ và tên: Sinh ngày:

Mã số nhân viên đại lý hải quan: cấp ngày ... tại thông báo số .../CHQ-GSQL ngày/... của Cục Hải quan về việc cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:

Lý do đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý hải quan:

2/ Họ và tên: Sinh ngày:

Mã số nhân viên đại lý hải quan: cấp ngày

Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:

Lý do đề nghị thu hồi mã số nhân viên đại lý hải quan:

3/...

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QB-CHQ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 và Thông tư số.../2026/TT-BTC ngày.../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét công văn đề nghị của doanh nghiệp hoặc Chi cục Hải quan khu vực về việc thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (nếu có);

Theo đề nghị của Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

Ông (bà);

Ngày sinh: Mã số: cấp ngày/...../.....

Là nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan của (doanh nghiệp)

Lý do thu hồi:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 Quyết định này, Giám đốc (doanh nghiệp), Trưởng Ban Giám sát quản lý về hải quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, (3b).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)